

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày 12/3/2024

V/v “*Tranh chấp tài sản chung sau ly hôn, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Q;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Chùm và ông Nguyễn Ngọc Uyên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thục Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về “*Tranh chấp tài sản chung sau ly hôn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Lê Thị Thu TH, sinh năm: 1979; nơi cư trú: 779/2/1B Bùi Công Trùng, ấp 4, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà TH: Ông Ngô Minh Tùng, sinh 1975, nơi cư trú: 265 Nguyễn Huệ, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2/ *Bị đơn:* Trương Quốc Q, sinh năm 1977; nơi cư trú: Khu phố Mỹ Hòa, phường Hòa Hiệp Bắc, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên; có mặt.

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Vợ chồng ông Trương Quốc Dinh, sinh năm 1979; Trần Thị Liễu, sinh năm 1983; cùng nơi cư trú: Khu phố Mỹ Hòa, phường Hòa Hiệp Bắc, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên; ông Dinh vắng mặt, bà Liễu có mặt.

- Ủy ban nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thị xã Đông Hòa: Ông Đỗ Như Thi – Phó phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đông Hòa; có mặt; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Trước đây chị Lê Thị Thu TH và anh Trương Quốc Q là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 1999 tại xã Hòa Hiệp Bắc, huyện Đông Hòa (Nay là thị xã Đông Hòa). Sau khi kết hôn một thời gian vợ chồng chị mâu thuẫn, không hàn gắn tình cảm được, nên chị đã xin ly hôn anh Q vào năm 2017, được Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa giải quyết ly hôn theo bản án số 26/2017/HNGĐ-ST, ngày 13/12/2017 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, khi ly hôn tài sản chung của vợ chồng chưa được giải quyết, nên chị TH khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung.

Tại đơn khởi kiện chị TH có ghi nhầm thửa đất tranh chấp là số thửa 417, nhưng thực tế là thửa đất số 491, tờ bản đồ 378 –A, địa chỉ khu phố Mỹ Hòa, phường Hòa Hiệp Bắc, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, diện tích đất 200m², do Ủy ban nhân dân huyện Đông Hòa cấp ngày 15/02/2007 (viết tắt là thửa 491).

Chị TH khởi kiện yêu cầu được chia tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên, nguyện vọng của chị TH là được nhận ½ diện tích đất ở phía Nam.

Bị đơn Trương Quốc Q trình bày:

Thửa đất số 491 đúng là tài sản chung của chị TH và anh Q sau khi ly hôn chưa được chia. Thửa đất đứng tên người sử dụng đất là anh Q, chị TH. Khi anh Q, chị TH chưa ly hôn có thỏa thuận miệng với vợ chồng em trai anh Q là anh Dinh, chị Liễu để đổi một thửa đất khác cũng tại Mỹ Hòa, Hòa Hiệp Bắc, nhưng chưa làm thủ tục sang tên, nên thực tế vợ chồng anh Dinh, chị Liễu đang sử dụng thửa đất 491, xây dựng nhà ở trên đất từ năm 2008. Vợ chồng anh Dinh, chị Liễu xây nhà trên đất là có sự đồng ý của vợ chồng anh Q, chị TH, vì lúc này vợ chồng anh Q chưa ly hôn.

Nay chị TH khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất 491, anh Q thống nhất và có ý kiến chị TH, anh Q phải cùng TH toán lại giá trị nhà, tài sản khác gắn liền với đất cho vợ chồng anh Dinh, đồng thời anh Q muốn được nhận thửa đất trên, TH toán lại giá trị cho chị TH và vợ chồng anh Dinh giá trị nhà, tài sản khác gắn liền với đất vì hiện nay anh Q chưa có nhà riêng, vẫn còn ở chung với nhà cha mẹ anh Q tại Mỹ Hòa, Hòa Hiệp Bắc.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

-Vợ chồng anh Trương Quốc Dinh thống nhất trình bày: Anh Dinh, chị Liễu cho rằng vợ chồng anh xây nhà trên đất của chị TH, anh Q đúng như anh Q đã trình bày vì trước đây vợ chồng anh và vợ chồng anh Q có thỏa thuận đổi đất với vợ chồng anh Dinh nhưng chưa sang tên. Nay chị TH khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của chị TH với anh Q, vợ chồng anh Dinh thống nhất theo ý kiến của anh Q. Vợ chồng anh Dinh còn yêu cầu anh Q phải giao lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại khu phố Mỹ Hòa, phường Hòa Hiệp Bắc, thị xã Đông Hòa, đứng tên người sử dụng là vợ chồng anh Dinh, chị Liễu mà vợ chồng anh Dinh đã giao cho anh Q đồng thời anh Q, chị TH phải TH toán lại giá trị nhà cho vợ chồng anh Dinh. Nếu anh Q không giao lại đất thì vợ chồng anh Dinh đồng ý

giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất như hiện nay và các bên tiến hành làm thủ tục sang tên đổi đất như thỏa thuận ban đầu.

-Ủy ban nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

-Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ diện tích đất;

-Bị đơn: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; anh Q nêu ý kiến nếu chị TH muốn lấy toàn bộ diện tích đất thì chị TH phải TH toán tiền lại cho anh Q và TH toán tài sản trên đất cho vợ chồng anh Dinh, nhưng anh Q không đưa ra mức giá yêu cầu cụ thể.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Liễu nêu ý kiến theo kết quả định giá tài sản là nhà và tài sản khác của vợ chồng chị là thấp, nên khi giao lại toàn bộ diện tích đất cho chị TH hoặc anh Q để TH toán lại giá trị tài sản trên đất cho vợ chồng chị thì vợ chồng chị rất thiệt thòi. Do đó, chị Liễu đề nghị Tòa xem xét. Tuy nhiên, chị Liễu cũng không đưa ra mức giá yêu cầu cụ thể để các bên thỏa thuận.

-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật; Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giao cho nguyên đơn được nhận $\frac{1}{2}$ diện tích đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Lê Thị Thu TH đã kết hôn với bị đơn anh Trương Quốc Q vào năm 1999, đến năm 2017 chị TH xin ly hôn đã được Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa (*nay là thị xã Đông Hòa*) giải quyết ly hôn theo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 26/2017/HNGĐ-ST ngày 13/12/2017, có hiệu lực pháp luật. Khi ly hôn các đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nên chị TH khởi kiện tranh chấp tài sản chung sau ly hôn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1, Điều 28, Điều 34, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung khởi kiện:

[2.1] Về tài sản chung của vợ chồng chị TH – anh Q khi ly hôn:

Theo nội dung của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật số 26/2017/HNGĐ-ST ngày 13/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Tuy nhiên, theo chị TH và anh Q trình bày thì tài sản chung của anh, chị là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 491 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Hòa (*Nay là thị xã Đông Hòa*) cấp ngày 15/02/2007.

Lời trình bày của chị TH, anh Q phù hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Đông Hòa cấp ngày 15/02/2007. Do đó, nguyên đơn chị Lê Thị Thu TH yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn là phù hợp với Điều 33, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị TH.

[2.2] Xét yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của chị TH:

Chị TH và anh Q đều thừa nhận tài sản chung của anh, chị là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 491. Thực tế trên thửa đất là nhà và tài sản khác gắn liền với đất của vợ chồng anh Trương Quốc Dinh, chị Trần Thị Bích Liễu.

Căn cứ vào biên bản định giá tài sản ngày 16/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Phú Yên xác định:

-Giá đất theo giá quy định của Nhà nước xác định vị trí thửa đất thuộc vị trí 3, khu vực 1, tại phường Hòa Hiệp Bắc, thị xã Đông Hòa có giá 600.000đ/m² (*sáu trăm nghìn đồng*), nên giá trị thửa đất là: 600.000đ/m² x 200m² = 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*);

-Giá chuyển nhượng đất theo giá thị trường tại thời điểm định giá ở địa phương có giá 5.000.000đ/m² (*năm triệu đồng*), nên giá trị thửa đất là: 5.000.000đ/m² x 200m² = 1.000.000.000đ (*Một tỉ đồng*);

-Giá trị tài sản trên đất, bao gồm giá trị nhà xây dựng sau khi khấu hao và các tài sản khác gắn liền với đất có tổng giá trị 218.920.000đ (*Hai trăm mười tám triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

Toàn bộ giá trị đất và tài sản gắn liền với đất là: 1.000.000.000đ + 218.920.000đ = **1.218.920.000đ**.

Tuy nhiên, ngày 11/12/2023 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp.

Theo chứng thư thẩm định giá ngày 10/01/2024 của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam kết quả giá trị quyền sử dụng đất là 1.151.800.000đ, giá trị nhà và công trình trên đất là 265.983.850đ. Tổng cộng giá trị 1.417.783.850đ, làm tròn số **1.417.784.000đ**.

Thấy rằng: Vợ chồng anh Dinh xây dựng nhà ở trên đất của vợ chồng anh Q, chị TH vào năm 2008; vợ chồng anh Q, chị TH ly hôn vào năm 2017, nên khi vợ chồng anh Dinh xây nhà là có sự đồng ý của chị TH, anh Q. Do đó, nay anh Q, chị TH tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung nên anh Q, chị TH phải TH toán lại giá trị tài sản trên đất cho vợ chồng anh Dinh số tiền 265.983.850đ, làm tròn số 265.983.000đ.

Như vậy giá trị tài sản chung tranh chấp là **1.151.800.000đ**. Do đó, chị TH, anh Q được chia tài sản chung số tiền là: **575.900.000đ**; người được nhận hiện vật có nghĩa vụ TH toán cho vợ chồng anh Dinh, chị Liễu số tiền **265.983.000đ**.

[2.3] Xét yêu cầu của chị TH có nguyện vọng được nhận $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất; anh Q có nguyện vọng được nhận toàn bộ diện thửa đất thối lại giá trị cho chị TH.

Quá trình giải quyết vụ án anh Q có nguyện vọng được nhận hiện vật, TH toán lại giá trị cho chị TH và cho vợ chồng anh Dinh. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Q lại cho rằng không có tiền để TH toán và cũng không đưa ra yêu cầu cụ thể số tiền mong muốn nhận theo giá trị tài sản, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều kiện thực tế của các đương sự, nhu cầu về chỗ ở của các đương sự để giao hiện vật và để bảo đảm quyền và lợi ích của vợ chồng anh Dinh, chị Liễu.

Đối với yêu cầu sử dụng đất của chị TH và anh Q, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi ly hôn, chị TH và anh Q đã lập gia đình mới. Hiện tại anh Q đã có vợ, con và đang sống chung với cha mẹ ruột anh Q tại khu phố Mỹ Hòa, phường Hòa Hiệp Bắc, thị xã Đông Hòa. Trong khi đó chị TH đã lập gia đình mới, sinh sống tại địa chỉ: 779/2/1B Bùi Công Trừng, ấp 4, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, nhu cầu được nhận đất của anh Q là cần thiết hơn chị TH. Ngoài ra, trên diện tích đất tranh chấp vợ chồng anh Dinh, chị Liễu đã xây dựng nhà kiên cố, xây nền móng nhà lớn hơn $\frac{1}{2}$ chiều ngang của thửa đất, giá trị sử dụng nhà và công trình phụ vẫn còn tốt, chất lượng công trình, nhà còn lại là 70%. Tại khu vực đất tranh chấp đã được Nhà nước quy hoạch khu dân cư, phân lô nhà ở, mỗi lô đất có diện tích 200m². Nếu tách thửa đất chia hai để giao cho chị TH, anh Q bằng $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất thì không phù hợp với quy hoạch tại địa phương và phải tháo dỡ nhà, tài sản trên đất là rất lãng phí và ảnh hưởng đến chỗ ở ổn định của vợ chồng anh Dinh, chị Liễu.

Do đó, giao toàn bộ diện tích thửa đất cho anh Q; anh Q có nghĩa vụ TH toán giá trị tài sản chung cho chị TH và TH toán giá trị tài sản trên đất cho vợ chồng anh Dinh, chị Liễu.

Trường hợp anh Q và vợ chồng anh Dinh, chị Liễu thực hiện theo thỏa thuận miệng trước đây để đổi lấy thửa đất khác là thuận lợi. Các bên tự thỏa thuận với nhau, vì việc thỏa thuận này không phụ thuộc vào việc giải quyết chia tài sản chung của chị TH và anh Q.

[2.4] Xét yêu cầu của chị TH về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 491:

Thấy rằng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là cấp cho hộ gia đình, tên người sử dụng đất là anh Q và chị TH. Nay anh Q, chị TH đã ly hôn và chia tài sản chung sau ly hôn là quyền sử dụng đất. Do đó, yêu cầu của chị TH là có cơ sở, nên cần phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên để cấp lại cho người được nhận hiện vật theo quy định của pháp luật.

Từ các căn cứ đã nhận định nêu trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thu TH về yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 491.

[3] Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của chị TH đã tự nguyện nộp thay chị TH số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Do đó, bị đơn Trương Quốc Q phải hoàn lại cho nguyên đơn chị Lê Thị Thu TH số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Đối với yêu cầu định giá lại tài sản của nguyên đơn. Nguyên đơn đã tự nguyện nộp số tiền 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*), đã tự nguyện chịu chi phí xong.

[4] Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung theo quy định tại khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 34, 37, 147, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 219 của bộ luật dân sự; các Điều 33, 59 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thu TH đối với bị đơn Trương Quốc Q về yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Giao cho bị đơn anh Trương Quốc Q được quyền quản lý sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản nhà, tài sản khác gắn liền đối với thửa đất số 491, tờ bản đồ 378 –A, địa chỉ khu phố Mỹ Hòa, phường Hòa Hiệp Bắc, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn Trương Quốc Q phải có nghĩa vụ TH toán cho nguyên đơn Lê Thị Thu TH số tiền 575.900.000đ (*Năm trăm bảy mươi lăm triệu, chín trăm nghìn đồng*) tương ứng với giá trị $\frac{1}{2}$ thửa đất.

Bị đơn Trương Quốc Q phải có nghĩa vụ TH toán cho vợ chồng anh Trương Quốc Dinh, chị Trần Thị Bích Liễu số tiền 265.983.000đ (*Hai trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn đồng*), là giá trị tài sản gắn liền với đất.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AD 129204, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H 00065, đối với thửa đất số 491, tờ bản đồ 378 –A, địa chỉ khu phố Mỹ Hòa, phường Hòa Hiệp Bắc, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, do Ủy ban nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên (*nay là thị xã Đông Hòa*) cấp ngày 15/02/2007, tên người sử dụng đất là anh Trương Quốc Q, chị Lê Thị Thu TH.

Anh Trương Quốc Q được quyền liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh thông tin về thửa đất theo quy định của pháp luật.

Anh Q và vợ chồng anh Dinh, chị Liễu được quyền thỏa thuận trao đổi tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn Lê Thị Thu TH và bị đơn Trương Quốc Q mỗi người phải có nghĩa vụ chịu $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng. Chị Lê Thị Thu TH đã tự nguyện nộp số tiền

10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), đã chi phí xong. Do đó, anh Trương Quốc Q phải có nghĩa vụ TH toán lại lại cho chị TH số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Đối với chi phí định giá lại, chị TH, người đại diện theo ủy quyền của chị TH đã yêu cầu định giá lại, tự nguyện nộp số tiền 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*), đã chi phí xong.

3. Về án phí:

Nguyên đơn Lê Thị Thu TH và bị đơn Trương Quốc Q mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 28.795.000đ (*Hai mươi triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng*), do được chia giá trị tài sản chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Q